UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 755 /QĐ-UBND	*Bình Định, ngày 07 tháng 03 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB dự án Khu kho bãi, dịch vụ, logistics (KB-DV 04) tại lô KB-DV 04, Quốc lộ 19 mới, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước (đợt 2)

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 và Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (năm 2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3836/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 2001/QĐ-UBND ngày 07/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu kho bãi, dịch vụ, logistics (KB-DV 04) tại lô KB-DV 04, Quốc lộ 19 mới, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Quyết định số 3844/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất ở cụ thể để phục vụ bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Khu kho bãi, dịch vụ, logistics (KB-DV 04) tại lô KB-DV 04, Quốc lộ 19 mới, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt giá đất ở cụ thể để tính thu tiền sử dụng đất tại khu vực 1, Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới) để bố trí tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án Khu kho bãi, dịch vụ, logistics (KB-DV 04) tại lô KB-DV 04, Quốc lộ 19 mới, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước;

Theo đề nghị của Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh tại Tờ trình số 08/TTr-HĐBT ngày 26/01/2024 và ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 237/TTr-STNMT ngày 28/02/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB dự án Khu kho bãi, dịch vụ, logistics (KB-DV 04) tại lô KB-DV 04, Quốc lộ 19 mới, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước (đợt 2), với một số nội dung cụ thể như sau:

1. Về bồi thường, hỗ trợ:

- Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là **1.553.729.763 đồng** *(Một tỷ, năm trăm năm mươi ba triệu, bảy trăm hai mươi chín nghìn, bảy trăm sáu mươi ba đồng),* trong đó:

+ Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 1.523.264.474 đồng.

+ Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 30.465.289 đồng.

(Trong đó, chi phí thẩm định 0,2% là 3.047.000 đồng. Riêng chi phí thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường là 2.133.000 đồng).

(Chi tiết như Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này)

- Nguồn vốn chi trả: Vốn ứng trước của Công ty TNHH Nông Trại Xanh.

2. Về tái định cư:

Giao 03 lô đất ở cho 03 hộ dân với tổng diện tích là 375m^2 tại Khu tái định cư-03 thuộc Khu quy hoạch Khu vực 01, Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới), xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước. Tổng số tiền sử dụng đất các hộ phải nộp là **2.362.500.000 đồng** *(Hai tỷ, ba trăm sáu mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng).*

(Chi tiết như Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Giao Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước và Thủ trưởng các cơ

quan, đơn vị và các hộ dân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K19, K16.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tự Công Hoàng

Số: 755/QĐ-UBND
Thời gian ký: 07/03/2024 22:16:28 +07:00

Phụ lục số 01

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO MỘT SỐ HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU KHO BÃI, DỊCH VỤ, LOGISTICS (KB-DV 04) TẠI LÔ KB-DV 04, QUỐC LỘ 19 MỚI XÃ PHƯỚC LỘC HUYỆN TUY PHƯỚC (ĐỢT 2)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Số thửa	Tờ BĐ	Loại đất	Tổng DT thửa đất (m^2)	Diện tích thu hồi	DT được bồi thường, hỗ trợ		Giá trị BT, HT đất đai	Giá trị BT, HT VKT	Giá trị bồi thường cây cối	Hỗ khác khác	Thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB	Giá trị BT, HT (đồng)	Ghi chú
								DT được BT, HT	DT không BT, HT							
1	Nguyễn Đạt Vinh, vợ Đào Thị Bảy	Vinh Thạnh 2	654	10	NTD	347,1	122,6	60,15	62,45	90.225.000	196.808.808	8.195.200	500.000	5.000.000	300.729.008	
2	Lưu Kim Phúc, vợ Huỳnh Thị Thanh Hương	Vinh Thạnh 2	655	10	NTD	242,2	229,7	53,67	176,03	80.505.000	120.014.156	10.046.900	0	5.000.000	215.566.056	
3	Trần Đình Báu, vợ Huỳnh Thị Đường	Vinh Thạnh 2	668	10	NTD	420,7	420,7	169,36	251,34	254.036.250	449.401.044	12.617.000	3.000.000	6.000.000	725.054.294	
4	Nguyễn Thị Bảy, chồng Phan Thanh Thi	Vinh Thạnh 2	669	10	NTD	185,9	185,9	0,00	185,90	0	253.304.466	3.965.000	500.000	5.000.000	262.769.466	
5	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Trung Tín 2, TT. Tuy Phước	656	10	NTD	4.135,3		0,00		0	0	4.594.190	0	5.000.000	9.594.190	XD nhà, VKT sau ngày 1/7/2014
6	Lê Thị Nhương, cháu Nguyễn Thành Nhân ĐDKK	Vinh Thạnh 2	656	10	NTD	4.135,3				0	0	3.890.000	0	1.000.000	4.890.000	XD VKT sau ngày 1/7/2014
7	Lê Thị Phước, chồng Phạm Xuân Dù	Quang Hy									4.661.460	0	0	0	4.661.460	Bổ sung VKT
A	**Tổng giá trị BT, HT**														**1.523.264.474**	
B	**Chi phí phục vụ GPMB: (A) x 2%**														**30.465.289**	
C	**Tổng cộng: (A) + (B)**														**1.553.729.763**	

Số: 755/QĐ-UBND
Thời gian ký: 07/03/2024 22:16:42 +07:00

Phụ lục số 03

BẢNG TỔNG HỢP GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ CHO CÁC HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU KHO BÃI, DỊCH VỤ, LOGISTICS (KB-DV 04) TẠI LÔ KB-DV 04, QUỐC LỘ 19 MỚI, XÃ PHƯỚC LỘC HUYỆN TUY PHƯỚC (ĐỢT 2)

(Ban hành kèm theo quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Lô đất ở được giao				Giá đất cụ thể theo thị trường để thu tiền sử dụng đất (đồng/m^2)	Tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)
			Lô số	Khu	Đường (lộ giới)	Diện tích (m^2)		
1	Nguyễn Đạt Vinh, vợ Đào Thị Bảy	Thôn Vinh Thạnh 2, xã Phước Lộc, Tuy Phước	24	Khu TDC-03 thuộc khu quy hoạch Khu vực 01, Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới) xã Phước Lộc	ĐS18 (lộ giới 14m)	125,0	6.300.000	787.500.000
2	Trần Đình Báu, vợ Huỳnh Thị Đường	Thôn Vinh Thạnh 2, xã Phước Lộc, Tuy Phước	23	Khu TDC-03 thuộc khu quy hoạch Khu vực 01, Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới) xã Phước Lộc	ĐS18 (lộ giới 14m)	125,0	6.300.000	787.500.000
3	Nguyễn Thị Bảy, chồng Phan Thanh Thi	Thôn Vinh Thạnh 2, xã Phước Lộc, Tuy Phước	22	Khu TDC-03 thuộc khu quy hoạch Khu vực 01, Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới) xã Phước Lộc	ĐS18 (lộ giới 14m)	125,0	6.300.000	787.500.000
	Tổng					**375,0**		**2.362.500.000**